

**QUY TRÌNH KIỂM TOÁN  
HOẠT ĐỘNG KHO (QUỸ) NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác kiểm toán nội bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thực hiện kiểm toán bằng phần mềm kiểm toán TeamMate, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hướng dẫn quy trình kiểm toán hoạt động kho (quỹ) NHNN như sau:

**PHẦN I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**I - NỘI DUNG KIỂM TOÁN:**

1. Kiểm kê thực tế tài sản trong kho Quỹ dự trữ phát hành (DTPH) và Quỹ nghiệp vụ phát hành (NVPH) tại thời điểm kiểm toán; kiểm tra việc sắp xếp, bảo quản tiền, tài sản có giá tại quầy giao dịch và trong kho (quỹ).
2. Kiểm tra việc thực hiện kiểm kê tài sản trong kho (quỹ) theo định kỳ và chấp hành định mức tồn quỹ NVPH.
3. Kiểm tra thực hiện chế độ vào, ra kho (quỹ).
4. Kiểm tra việc thực hiện chế độ sử dụng, bảo quản chìa khoá kho (quỹ), kết sắt, tủ sắt, việc thực hiện canh gác bảo vệ kho tiền.
5. Kiểm tra việc bố trí nhân sự làm công tác kho (quỹ).
6. Kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền, hệ thống thiết bị an toàn kho.
7. Kiểm tra việc thực hiện một số nghiệp vụ kho (quỹ) và chế độ mở sổ sách theo dõi hoạt động kho (quỹ).
8. Kiểm tra việc thực hiện chức năng tham mưu về quản lý hoạt động tiền tệ trên địa bàn.
9. Công tác kiểm tra an toàn kho (quỹ) đối với các Tổ chức tín dụng, các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng trên địa bàn.

**II - PHẠM VI KIỂM TOÁN:**

Căn cứ theo Đề cương kiểm toán được Thống đốc NHNN phê duyệt, Đoàn kiểm toán tiến hành kiểm toán những nội dung liên quan đến hoạt động kho (quỹ) tại đơn vị.

### **III – CĂN CỨ KIỂM TOÁN:**

1. Luật NHNN Việt Nam.
2. Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN.
3. Quyết định của Thống đốc NHNN quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc NHNN.
4. Quyết định của Thống đốc NHNN quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Vụ Kiểm toán nội bộ.
5. Quyết định của Thống đốc NHNN ban hành Quy chế kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHNN.
6. Quyết định của Thống đốc NHNN ban hành chế độ giao nhận, bảo quản, vận chuyển tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá; quy định tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền và xe chuyên dùng NHNN; các quyết định của Thống đốc về ban hành quy chế thu, đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông; quy chế quản lý sê ri tiền mới.
7. Các văn bản hiện hành của Nhà nước, của NHNN có liên quan đến hoạt động kho quỹ.

### **IV – PHƯƠNG PHÁP KIỂM TOÁN:**

1. Kiểm tra đối chiếu: Là việc kiểm soát viên trực tiếp kiểm tra, đối chiếu xem xét các tài liệu, sổ sách kế toán và các tài sản hữu hình để kiểm tra tính đúng đắn của sổ sách kế toán và sự tồn tại, quyền sở hữu của các tài sản vật chất đó. Kiểm tra đối chiếu thường bao gồm 2 loại:

- Kiểm tra vật chất: Kiểm soát viên trực tiếp tham gia kiểm kê hoặc chứng kiến kiểm kê tài sản thực tế về hàng hoá, vật tư tồn kho, máy móc thiết bị, tiền mặt tồn quỹ... Sau đó đối chiếu với sổ sách kế toán để đánh giá.

- Kiểm tra tài liệu: Là việc xem xét, đối chiếu các tài liệu, văn bản, sổ sách.

2. Quan sát: Là việc kiểm soát viên xem xét, chứng kiến tận mắt các quá trình xử lý nghiệp vụ do các cán bộ đơn vị thực hiện.

3. Phỏng vấn: Là việc thu thập thông tin qua việc trao đổi trực tiếp với những người có liên quan tại đơn vị được kiểm toán.

4. Tính toán: Là việc kiểm soát viên trực tiếp kiểm tra lại các phép tính số học trên các sổ sách, chứng từ kế toán hoặc các bảng biểu.

## **PHẦN II**

### **HƯỚNG DẪN NỘI DUNG KIỂM TOÁN**

## **I. Kiểm kê Quỹ NVPH và Quỹ DTPH**

### ***1. Kiểm kê Quỹ NVPH và Quỹ DTPH***

#### ***1.1. Kiểm kê***

##### **a. Nội dung kiểm toán:**

- Yêu cầu đơn vị khóa sổ kế toán tại thời điểm kiểm toán.
- Tổ chức kiểm kê ngay tại thời điểm kiểm toán.
- Đối chiếu số liệu kiểm kê với số liệu sổ sách, hạch toán.
- Lập Biên bản kiểm kê (theo mẫu đính kèm).

##### **b. Mục tiêu kiểm toán:**

- Đánh giá tính có thực của tài sản trong kho.
- Đánh giá việc chấp hành quy định về sắp xếp, bảo quản tài sản trong kho.

##### **c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 22, 23, 24, 56, 57, 58 Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.
- Công văn số 13173/NHNN-PHKQ ngày 12/12/2007.
- Công văn số 2841/NHNN-PHKQ ngày 21/4/2009.

##### **d. Rủi ro:**

- Có thể thừa hoặc thiếu quỹ, lẫn loại tiền nhưng không phát hiện được.
- Quỹ NVPH nhiều tiền lẻ, kiểm soát viên không thực hiện đếm tờ đối với tất cả các loại tiền lẻ bỏ nên không phát hiện chênh lệch (nếu có) đặc biệt tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

## **II. Kiểm toán việc thực hiện chế độ kiểm kê và chấp hành định mức tồn quỹ**

### ***1. Kiểm toán việc thực hiện chế độ kiểm kê***

#### ***1.1. Kiểm toán việc chấp hành chế độ kiểm kê***

##### **a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra các quyết định thành lập Hội đồng (thành phần, thời hiệu, phạm vi kiểm kê).
- Kiểm tra thời gian thực hiện kiểm kê.
- Kiểm tra việc lập biên bản và báo cáo kiểm kê của đơn vị.
- Kiểm tra việc khắc phục tồn tại các lần kiểm kê trước đã nêu.

##### **b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ quy định về kiểm kê.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 56, 57, 58 Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.
- Điểm 21, 22, 23 Công văn số 696/NHNN-PHKQ ngày 19/01/2007.
- Công văn số 13173/NHNN-PHKQ ngày 12/12/2007.

**d. Rủi ro:**

- Kiểm kê không đúng phạm vi, thời hiệu theo quyết định.
- Thực hiện kiểm kê không đúng định kỳ theo quy định.
- Tên người ký biên bản kiểm kê không khớp đúng với thành phần hội đồng hoặc thành phần hội đồng không đúng quy định.
- Kiểm kê phát hiện chênh lệch nhưng xử lý không đúng quy định.

**2. Kiểm toán việc chấp hành định mức tồn quỹ**

**2.1. Kiểm toán việc chấp hành định mức tồn quỹ**

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra sổ kiểm kê quỹ NVPH hàng ngày để đánh giá việc chấp hành định mức tồn quỹ.
- Đánh giá tính hợp lý của định mức tồn quỹ (phù hợp với nhu cầu trên địa bàn và khả năng an toàn của kho quỹ).

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ quy định về tồn quỹ NVPH, đảm bảo an toàn tài sản.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Quyết định số 25/2008/QĐ-NHNN ngày 08/9/2008.
- Văn bản quy định định mức tồn quỹ từng thời kỳ đối với đơn vị được kiểm toán.

**d. Rủi ro:**

- Vượt định mức tồn quỹ.
- Định mức tồn quỹ chưa phù hợp.

**III. Kiểm toán việc thực hiện chế độ vào, ra kho tiền**

**1. Kiểm toán việc thực hiện chế độ vào, ra kho tiền**

**1.1. Kiểm toán việc thực hiện chế độ vào, ra kho tiền**

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc mở sổ sách theo dõi đối tượng vào, ra kho.
- Kiểm tra việc ghi chép đối tượng, thời gian, mục đích vào, ra kho tiền.

- Đối chiếu với các Quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định về vào, ra kho tiền để đánh giá tính tuân thủ.

- Kết hợp với kiểm kê kho tiền, xem xét thực tế và đánh giá việc thực hiện quy trình vào, ra kho tiền.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ quy định về chế độ vào, ra kho quỹ nhằm đảm bảo an toàn tài sản của NHNN.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 37, 38, 39, 40 Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.

- Công văn số 13173/NHNN-PHKQ ngày 12/12/2007.

- Công văn số 2841/NHNN-PHKQ ngày 21/4/2009.

**d. Rủi ro:**

- Các thành viên giữ chìa khóa kho tiền nhờ người khác mở, khóa cửa kho tiền.

- Các đối tượng vào kho tiền không mặc trang phục theo quy định hoặc mang theo túi xách, ví, cặp vào kho, quỹ.

- Một hoặc nhiều thành viên Ban Quản lý kho không có mặt trong kho khi các đối tượng khác đang thực hiện nhiệm vụ trong kho.

**IV. Kiểm toán việc thực hiện quy định sử dụng, bảo quản chìa khóa kho tiền**

***1. Kiểm toán việc thực hiện quy định sử dụng, bảo quản chìa khóa kho tiền***

***1.1. Kiểm toán việc thực hiện quy định sử dụng chìa khóa, mã khóa kho tiền***

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc chấp hành quy định về việc quản lý chìa khóa, mã khóa kho tiền của từng thành viên Ban Quản lý kho (quỹ).

- Kiểm tra việc ủy quyền: Văn bản ủy quyền, lưu ý đối chiếu sự phù hợp về thời gian giữa sổ bàn giao chìa khóa kho (quỹ) và văn bản ủy quyền.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định (bàn giao chìa khóa, kiểm kê kho khi bàn giao...) khi thay đổi thành viên Ban Quản lý kho (quỹ).

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá việc tuân thủ chế độ về việc quản lý, sử dụng chìa khóa kho, tránh rủi ro mất, lộ chìa khóa kho.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 21, Mục 2, Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.
- Quyết định số 27/2007/QĐ-NHNN ngày 21/6/2007 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN.
- Công văn số 696/NHNN-PHKQ ngày 19/01/2007 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN.
- Công văn số 13173/NHNN-PHKQ ngày 12/12/2007.

**d. Rủi ro:**

- Khi bàn giao chìa khóa cửa kho tiền, các thành viên không ký vào sổ bàn giao chìa khóa kho tiền, Ban Quản lý kho không thay đổi mã khóa (đối với ổ khóa số).
- Trong quá trình điều động cán bộ, có thể xảy ra tình trạng lần lượt các chìa khóa của các ổ khóa cửa kho tiền giao vào tay một người, dẫn đến lộ bí mật chìa khóa cửa kho tiền.

***1.2. Kiểm toán việc thực hiện quy định bảo quản chìa khóa kho tiền***

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Phòng vấn và xem xét thực tế tình hình thực hiện bảo quản chìa khóa kho của các thành viên Ban Quản lý kho (quỹ). Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo quản chìa khóa kho khi thay đổi thành viên Ban Quản lý kho (quỹ).
- Kiểm tra hồ sơ gửi chìa khóa dự phòng kho tiền, các gian kho, kết sắt và quản lý hộp chìa khóa dự phòng theo chế độ quy định. Lưu ý việc quản lý, bảo quản chìa khóa dự phòng cửa gian kho, kết sắt.
- Kiểm tra việc thay đổi mã khóa, lưu giữ mã khóa theo quy định.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá việc tuân thủ chế độ về việc quản lý, sử dụng chìa khóa kho, tránh rủi ro mất, lộ chìa khóa kho.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 21, Mục 2, Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.
- Quyết định số 27/2007/QĐ-NHNN ngày 21/6/2007 của Thống đốc NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN.
- Công văn số 696/NHNN-PHKQ ngày 19/01/2007 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN.
- Công văn số 13173/NHNN-PHKQ ngày 12/12/2007.

#### **d. Rủi ro:**

- Trong quá trình điều động cán bộ, có thể xảy ra tình trạng lần lượt các chìa khóa, mã khóa của các ổ khóa cửa kho tiền giao vào tay một người, dẫn đến lộ bí mật chìa khóa, mã khóa cửa kho tiền.

- Khi có quyết định thay đổi thành viên Ban Quản lý kho (quỹ), chìa khóa kho tiền không thực hiện các thủ tục niêm phong và gửi lại hộp chìa khóa dự phòng.

- Chìa khoá dự phòng cửa gian kho, kết sắt chưa được niêm phong và bảo quản tại kết của Giám đốc, còn để tại kết ở phòng làm việc của các thành viên Ban Quản lý kho (quỹ).

- Niêm phong hộp chìa khóa dự phòng không đúng quy định, thiếu chữ ký của các thành viên trên niêm phong.

### **V. Kiểm toán việc bố trí phòng giao nhận, quầy giao dịch**

#### ***1. Kiểm toán việc bố trí phòng giao nhận, quầy giao dịch***

##### ***1.1. Kiểm toán việc bố trí phòng giao nhận, quầy giao dịch***

##### **a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc ban hành nội quy Phòng giao nhận tiền và Quầy giao dịch;

- Kiểm tra việc chấp hành quy định của những người có nhiệm vụ tại Phòng giao nhận, Quầy giao dịch.

- Quan sát các phương tiện được trang bị phục vụ cho việc giao nhận có đảm bảo đầy đủ, thuận tiện cho việc kiểm đếm của khách hàng.

- Kiểm tra việc ban hành văn bản quy định về việc bảo quản tiền trong giờ nghỉ trưa; thông qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách, kết hợp quan sát để đánh giá việc chấp hành quy định về bảo quản tiền giờ nghỉ trưa, cuối ngày giao dịch.

##### **b. Mục tiêu kiểm toán:**

- Đánh giá việc chấp hành quy định, đảm bảo an toàn tài sản.

- Đánh giá tính hợp lý của việc bố trí phòng giao nhận, quầy giao dịch, đảm bảo thuận tiện và an toàn trong giao nhận tiền.

##### **c. Văn bản tham chiếu:**

Điều 22, Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.

#### **d. Rủi ro:**

- Việc bố trí Phòng giao nhận tiền, Quầy giao dịch không thuận tiện trong việc luân chuyển chứng từ nội bộ, chứng từ còn luân chuyển qua nơi không đảm bảo an toàn.

- Thực hiện chưa đúng nội quy đã ban hành.

- Không thực hiện đúng quy định về bảo quản tiền trong giờ nghỉ trưa.

## **VI. Kiểm toán việc thực hiện canh gác, bảo vệ kho**

### ***1. Kiểm toán việc thực hiện canh gác, bảo vệ kho***

#### ***1.1. Kiểm toán việc thực hiện canh gác, bảo vệ kho***

##### **a. Nội dung kiểm toán:**

- Đoàn kiểm toán có thể tiến hành kiểm tra đột xuất để đánh giá việc thực hiện bố trí, canh gác bảo vệ kho (quỹ) của đơn vị.

- Kiểm tra nội dung sổ theo dõi trực và bảng phân công trực để xác định đơn vị được kiểm toán đã bố trí canh gác, bảo vệ kho (quỹ) đảm bảo đúng quy định (kể cả những ngày nghỉ, chủ nhật, ngày lễ, Tết). Kiểm tra việc ghi chép của các ca trực, ghi chép, theo dõi khách vào, ra cơ quan, đặc biệt khách nghỉ qua đêm.

- Kiểm tra phương án bảo vệ kho tiền.

- Đối chiếu với sổ phân công trực và quan sát thực tế để đánh giá việc chấp hành quy định trong phương án.

- Kiểm tra hoạt động của hệ thống báo động, báo cháy, chống đột nhập.

##### **b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ quy định và đánh giá việc đảm bảo an toàn tài sản của đơn vị.

##### **c. Văn bản tham chiếu:**

- Mục 4, chương IV, Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.

- Thông tư liên tịch số 14/TTLB ngày 04/11/1992.

- Chỉ thị số 02/2008/CT-NHNN ngày 04/3/2008.

- Văn bản số 10990/NHNN-QT ngày 17/12/2008 về việc tăng cường công tác bảo vệ cơ quan.

##### **d. Rủi ro:**

- Bố trí, phân công cán bộ trực không đúng quy định, không thực hiện tuần tra canh gác.

- Không ghi chép đầy đủ đối tượng vào, ra cơ quan để tra cứu khi cần thiết.

- Thực hiện chưa đúng theo phương án bảo vệ kho tiền.

## **VII. Kiểm toán việc bố trí nhân sự làm công tác kho (quỹ)**

### ***1. Kiểm toán việc bố trí nhân sự làm công tác kho (quỹ)***

#### ***1.1. Kiểm tra tiêu chuẩn về chức danh, ngạch bậc***

##### **a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn cán bộ làm công tác kho (quỹ), kiểm ngân theo tiêu chuẩn chức danh quy định của Nhà nước.

- Lưu ý các trường hợp bố trí những người có quan hệ vợ chồng, bố mẹ, con, anh chị, em ruột cùng tham gia giữ chìa khoá kho tiền; cùng tham gia kiểm kê, kiểm đếm tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá hoặc cùng công tác trên một xe hay một đoàn xe vận chuyển hàng đặc biệt.

##### **b. Mục tiêu kiểm toán:**

- Đánh giá việc bố trí cán bộ làm công tác kho quỹ, đảm bảo đúng quy định.

- Đảm bảo phân tách chức năng, kiểm soát kép trong công tác kho quỹ.

- Tránh được khả năng thông đồng làm thất thoát tài sản.

##### **c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 19, 20, Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.

- Văn bản số 418/TTCP-VP ngày 29/5/1993 về tiêu chuẩn, nghiệp vụ các ngạch công chức ngành Ngân hàng (thủ kho Ngân hàng phải có bằng Trung cấp Ngân hàng).

##### **d. Rủi ro:**

- Việc phân công chưa đảm bảo tách biệt cán bộ thủ quỹ, kiểm ngân, vẫn còn kiêm nhiệm làm công tác kế toán.

- Vẫn còn trường hợp những người thân như: Bố mẹ, vợ chồng, anh chị em ruột hoặc con cùng tham gia giữ chìa khoá cửa kho tiền; cùng tham gia kiểm kê, kiểm đếm tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá hoặc cùng công tác trên một xe hay một đoàn xe vận chuyển hàng đặc biệt.

## **VIII. Kiểm toán việc thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền**

### ***1. Kiểm toán việc thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền***

#### ***1.1. Kiểm tra các yếu tố về tiêu chuẩn kho tiền***

##### **a. Nội dung kiểm toán:**

- Đối với kho tiền xây dựng từ khi có Quyết định số 09/2002/QĐ-NHNN.m, khi kiểm toán, căn cứ vào điều 4, 5 và Phụ lục số 1, 2 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2002/QĐ-NHNN.m ngày 1/4/2002 và Quyết định 01/2007/QĐ-NHNN.m ngày 29/6/2007 của Thống đốc NHNN để xem xét, đối chiếu đảm bảo thực hiện đúng các tiêu chuẩn quy định.

- Đối với kho tiền xây dựng trước khi có Quyết định số 09/2002/QĐ-NHNN.m, cần kiểm tra, rà soát các yêu cầu đảm bảo an toàn tài sản kho (quỹ) để có kiến nghị với Giám đốc Chi nhánh có biện pháp xử lý đảm bảo an toàn tài sản.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Kho tiền được xây dựng, lắp đặt thiết bị đúng tiêu chuẩn, đảm bảo chống đột nhập, chống cháy, an toàn tài sản.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 3, 4, 5 và Phụ lục số 1, 2 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2002/QĐ-NHNN.m ngày 1/4/2002.

- Quyết định số 01/2007/QĐ-NHNN.m ngày 29/6/2007 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 09/2002/QĐ-NHNN.m ngày 1/4/2002.

**d. Rủi ro:**

- Kho tiền không được xây dựng kiên cố trong trụ sở ngân hàng, không đáp ứng yêu cầu bảo quản tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá.

- Vị trí kho tiền không hợp lý, khó khăn cho hoạt động kho (quỹ) (về vận chuyển, về đảm bảo các điều kiện an ninh...).

***1.2. Kiểm toán việc tuân thủ các quy định trong quá trình lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị an toàn***

**a. Nội dung kiểm toán:**

Kiểm toán việc tuân thủ các quy định trong quá trình lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị an toàn, sửa chữa nâng cấp, cải tạo kho tiền NHNN:

- Kiểm toán việc triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn trong thi công: Lựa chọn đối tác, hợp đồng cụ thể, việc phổ biến yêu cầu tới từng cán bộ tham gia quá trình bảo trì, bảo dưỡng;

- Kiểm toán việc giám sát thi công: Thành lập tổ giám sát, bố trí cán bộ giám sát người vào, ra kho, giám sát việc đưa phương tiện, vật tư, thiết bị vào kho...;

- Kiểm toán việc kiểm kê kho (trước và sau) quá trình thi công của Ban Quản lý kho (quỹ), kiểm tra các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản trong quá trình thi công;

- Kiểm toán việc bố trí phương tiện, thiết bị PCCC để xử lý kịp thời khi có sự cố;

- Kiểm toán việc tuân thủ quy định đối với đơn vị thi công: Giấy phép thành lập, kế hoạch thi công, đăng ký người vào làm việc trong kho tiền, xác nhận nhân thân...;

- Kiểm tra việc sao gửi văn bản xác nhận nhân thân người vào kho tiền cho A17 hoặc PA17 để phối hợp.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đảm bảo an toàn tài sản, tránh rủi ro cháy nổ, trộm cắp.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Công văn số 2365/NHNN-PHKQ ngày 03/4/2009.

- Công văn số 8337/NHNN-PHKQ ngày 12/9/2008.

**d. Rủi ro:**

- Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị không đúng thời gian quy định.

- Không giám sát chặt chẽ, xảy ra mất cắp tiền mặt và tài sản trong kho.

- Không ghi chép sổ sách theo dõi đối tượng vào, ra kho (quỹ), đối tượng vào kho không được kiểm tra, xác nhận nhân thân rõ ràng.

**1.3. Kiểm tra hệ thống thiết bị tại kho tiền**

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc lắp đặt hệ thống thiết bị tại kho tiền: Hệ thống điện; hệ thống thông gió, hút ẩm, hút bụi; hệ thống báo cháy tự động và chữa cháy; thiết bị chống đột nhập...

- Vận hành thử một số thiết bị an toàn kho tiền để kiểm tra thực tế tình trạng hoạt động của hệ thống thiết bị an toàn kho.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, phòng chống các rủi ro mất cắp, tấn công từ bên ngoài.

**c. Văn bản tham chiếu:**

Mục III Quyết định số 09/2002/QĐ-NHNN.m ngày 01/4/2002.

**d. Rủi ro:**

- Thiếu thiết bị.

- Thiết bị được lắp đặt nhưng không hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả.

- Thiết bị được lắp đặt không đúng vị trí.

**1.4. Kiểm tra việc bố trí, lắp đặt thiết bị điều khiển tại Phòng quản lý thiết bị**

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc lắp đặt tập trung các thiết bị điều khiển nhận và xử lý các tín hiệu của hệ thống thiết bị khi có sự cố.

- Kiểm tra việc ban hành nội quy, quy trình theo dõi và xử lý sự cố.

- Kiểm tra việc ghi nhật ký và xử lý các sự cố xảy ra.

- Kiểm tra sổ theo dõi trực khi nhận được tín hiệu báo sự cố; yêu cầu cho chạy thử để xác định mức độ hiệu quả, tác dụng và việc thao tác, sử dụng của cán bộ vận hành.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ quy định về bố trí Phòng quản lý thiết bị, đảm bảo an toàn tài sản.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Mục I-II Quyết định số 09/2002/QĐ-NHNN.m ngày 01/4/2002.
- Mục IV, Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.

**d. Rủi ro:**

- Phòng quản lý thiết bị không được lắp đặt đầy đủ thiết bị điều khiển.
- Không có nội quy, quy trình xử lý sự cố khi nhận được tín hiệu.

**IX. Kiểm toán việc thực hiện một số nghiệp vụ kho quỹ và mở sổ sách**

***1. Kiểm toán việc mở sổ sách nghiệp vụ***

***1.1. Kiểm toán việc mở sổ sách***

**a. Nội dung kiểm toán:**

Kiểm toán thực tế các loại sổ sách đã được mở.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ về việc mở sổ sách.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 13, 14, 15 Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.
- Điểm 24.2, công văn số 696/NHNN-PHKQ ngày 19/01/2007.

**d. Rủi ro:**

Không mở đầy đủ các loại sổ sách theo quy định.

***1.2. Kiểm toán việc ghi chép sổ sách***

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc ghi chép theo quy định.
- Kiểm tra tính chính xác, khớp đúng giữa số liệu trên thẻ kho của từng loại tài sản với số liệu theo dõi, hạch toán trên sổ sách.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 13, 14, 15 Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.

- Điểm 24.2, công văn số 696/NHNN-PHKQ ngày 19/01/2007.

**d. Rủi ro:**

Ghi chép không đầy đủ.

**2. Kiểm toán việc thực hiện một số nghiệp vụ kho quỹ**

**2.1. Kiểm toán việc thực hiện các quy định về thu giữ tiền giả**

**a. Nội dung kiểm toán:**

Kiểm toán việc thực hiện các quy định về thu giữ, giao nhận, đục lỗ hoặc đóng dấu tiền giả: Giao nộp Ngân hàng Trung ương định kỳ 6 tháng/lần; giao theo bó nguyên niêm phong (đủ hoặc không đủ 1.000 tờ).

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ quy định về thu giữ tiền giả.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 13, Quyết định số 37/2007/QĐ-NHNN ngày 26/10/2007.
- Quyết định số 28/2008/QĐ-NHNN ngày 10/10/2008.
- Công văn số 5498/NHNN-PHKQ ngày 30/6/2006.
- Công văn số 3028/NHNN-PHKQ ngày 06/4/2007.

**d. Rủi ro:**

- Chưa nhập kho kịp thời đối với tiền giả.
- Quản lý tiền giả chưa chặt chẽ (đơn vị chức năng mượn tiền giả nhưng không ghi chép sổ sách).

**2.2. Kiểm tra việc thực hiện thu hồi và đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu**

**a. Nội dung kiểm toán:**

Kiểm tra việc thực hiện thu hồi và đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định tại Quyết định số 24/2008/QĐ-NHNN ngày 22/8/2008 của Thống đốc ban hành "Quy chế thu hồi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông".

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ quy định của đơn vị về thu hồi và đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 13, 14, 15 Quyết định số 60/2006/QĐ-NHNN ngày 27/12/2006.
- Điểm 24.2, công văn số 696/NHNN-PHKQ ngày 19/01/2007.
- Quyết định số 24/2008/QĐ-NHNN ngày 22/8/2008 của Thống đốc ban hành "Quy chế thu hồi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông".

**d. Rủi ro:**

- Không tuân thủ quy định về thu hồi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.
- Không phát hiện các trường hợp tiền bị hư hỏng do hành vi phá hoại để giao cơ quan Công an điều tra giám định.

**2.3. Kiểm toán việc thực hiện các quy định về quản lý seri tiền mới in**

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc lập các Bảng kê seri khi xuất tiền mới in và lập báo cáo số lượng tiền mới in xuất Quỹ DTPH sang Quỹ NVPH và từ Quỹ NVPH vào lưu thông hàng tháng.
- Kiểm toán việc quản lý seri tiền mới in quy định tại Quyết định số 28/2007/QĐ-NIINN ngày 21/6/2007 của Thống đốc NHNN về Quy chế quản lý seri tiền mới in.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá tính tuân thủ quy định về quản lý seri tiền mới in.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Điều 13, Quyết định số 37/2007/QĐ-NHNN ngày 26/10/2007.
- Quyết định số 28/2007/QĐ-NHNN ngày 21/6/2007 của Thống đốc NHNN về Quy chế quản lý seri tiền mới in.

**d. Rủi ro:**

- Không ghi chép đầy đủ seri tiền mới in khi xuất Quỹ DTPH và Quỹ NVPH.
- Không lập báo cáo theo quy định.

**X. Kiểm toán việc thực hiện chức năng Quản lý Nhà nước về hoạt động tiền tệ trên địa bàn**

***1. Kiểm toán việc thực hiện chức năng Quản lý Nhà nước về hoạt động tiền tệ trên địa bàn***

***1.1. Kiểm tra việc triển khai và kiểm tra chấp hành chế độ về kho quỹ***

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc tổ chức, phổ biến, chỉ đạo triển khai thi hành các văn bản về quản lý kho quỹ đối với các Tổ chức Tín dụng (TCTD) trên địa bàn.
- Kiểm toán việc thực hiện kiểm tra của đơn vị đối với các TCTD trên địa bàn về việc chấp hành chế độ an toàn kho quỹ và quản lý tiền mặt.

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá việc thực hiện vai trò Quản lý Nhà nước về tiền tệ trên địa bàn của Chi nhánh.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Quyết định số 2989/QĐ-NHNN ngày 14/12/2009.
- Các văn bản chỉ đạo có liên quan của NHNN trong từng thời kỳ.

**d. Rủi ro:**

- Văn bản không được triển khai hoặc triển khai không kịp thời.
- Chi nhánh không kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý kho (quỹ) của các TCTD trên địa bàn để tham mưu quản lý.
- Không đôn đốc các đơn vị được kiểm tra báo cáo kết quả chỉnh sửa kiến nghị.

**XI. Kiểm toán, đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ**

***1. Kiểm toán, đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ***

***1.1. Kiểm toán, đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ***

**a. Nội dung kiểm toán:**

- Căn cứ Nhật ký giám sát kết hợp xem xét Sổ đăng ký vào kho tiền để đánh giá việc thực hiện giám sát và ghi chép Nhật ký giám sát của cán bộ kiểm soát.
- Qua quá trình kiểm kê, xem xét, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cán bộ kiểm soát.
- Xem xét việc xử lý kiến nghị của cán bộ kiểm soát, từ đó đánh giá hiệu quả của công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động kho (quỹ) của đơn vị.
- Xem xét, đánh giá việc tham mưu xử lý kiến nghị của các đoàn kiểm toán hoặc xử lý các ý kiến chỉ đạo của NHNN liên quan đến công tác kho quỹ tại đơn vị (nếu có).

**b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá việc triển khai và hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ.

**c. Văn bản tham chiếu:**

- Quy chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ NHNN.
- Các văn bản hướng dẫn của NHNN về công tác kiểm soát nội bộ.

**d. Rủi ro:**

- Không thực hiện giám sát đầy đủ đối với các lần xuất, nhập Quỹ DTPH.
- Không ghi chép đầy đủ nội dung nhật ký giám sát.
- Các kiến nghị của kiểm soát nội bộ không được chỉnh sửa kịp thời.

## **XII. Phức tra chỉnh sửa kiến nghị**

### ***1. Phức tra chỉnh sửa kiến nghị***

#### ***1.1. Kiến nghị đã được chỉnh sửa***

##### **a. Nội dung kiểm toán:**

- Kiểm tra việc báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện chỉnh sửa kiến nghị sau kiểm toán có đúng thời gian quy định trong báo cáo.

- Trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện chỉnh sửa kiến nghị sau kiểm toán, Đoàn kiểm toán kiểm tra thực tế kết quả chỉnh sửa.

##### **b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá việc chấp hành các yêu cầu của Đoàn kiểm tra, kiểm toán.

##### **c. Văn bản tham chiếu:**

Các báo cáo (biên bản) kiểm tra, kiểm toán của các đoàn kiểm tra, kiểm toán trước.

##### **d. Rủi ro:**

Đơn vị báo cáo không chính xác.

#### ***1.2. Kiến nghị chưa được chỉnh sửa***

##### **a. Nội dung kiểm toán:**

- Xem xét những kiến nghị chưa được thực hiện chỉnh sửa (nêu rõ nguyên nhân).

- Căn cứ nguyên nhân đơn vị giải trình, Đoàn kiểm toán kiến nghị với các đơn vị chức năng giải quyết hoặc đề nghị đơn vị được kiểm toán tiếp tục thực hiện chỉnh sửa (lưu ý có thời gian cụ thể).

##### **b. Mục tiêu kiểm toán:**

Đánh giá nguyên nhân của việc chưa thực hiện kiến nghị để tiếp tục kiến nghị chỉnh sửa tồn tại.

##### **c. Văn bản tham chiếu:**

Các văn bản, báo cáo giải trình của đơn vị về việc chỉnh sửa kiến nghị.

##### **d. Rủi ro:**

Đơn vị không quan tâm đến công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ, không cử cán bộ, phòng ban thực hiện chỉnh sửa tồn tại.

## **PHẦN III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Quy trình kiểm toán này thay thế mục B phần IV Công văn số 10855/NHNN-TKS ngày 08/10/2007 về Quy trình kiểm soát, kiểm toán nội bộ hoạt động kho (quỹ) hệ thống NHNN.

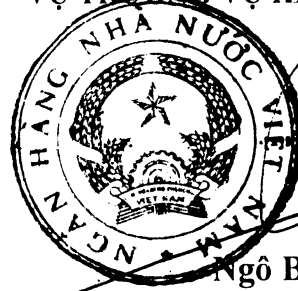
2. Vụ Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kiểm toán theo qui trình này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc chưa hợp lý, đề nghị phản ánh kịp thời về NHNN (Vụ Kiểm toán nội bộ) để nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp. *fa*

**Nơi nhận:**

- Thông đốc NHNN (để báo cáo);
- Các đơn vị NHNN (để phối hợp t/h);
- Ban lãnh đạo Vụ KTNB (để t/h);
- Các phòng Vụ KTNB (để t/h);
- Lưu VP; KTNB.

**TL. THÔNG ĐỐC  
VỤ TRƯỞNG VỤ KIỂM TOÁN NỘI BỘ**



*Ngô Bá Lại*  
**Ngô Bá Lại**

# BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN THỰC TẾ KHO (QUỸ)

## TẠI NHNN CHI NHÁNH TỈNH

Thời điểm .....

### I. QUỸ DỰ TRÙ PHÁT HÀNH

#### 1. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông:

Đơn vị: Đồng

| Loại tiền            | Số bao<br>(Thùng) | Số hộp | Số bó<br>(túi) | Số tờ<br>(miếng) | Thành tiền |
|----------------------|-------------------|--------|----------------|------------------|------------|
| <b>Tiền polymer</b>  | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 500,000              | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 200,000              | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 100,000              | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 50,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 20,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 10,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| <b>Tiền cotton</b>   | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 100,000              | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 50,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 20,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 10,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 5,000                | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 2,000                | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 1,000                | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 500                  | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 200                  | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 100                  | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| <b>Tiền kim loại</b> | 0                 |        | 0              |                  | 0          |
| 5,000                | 0                 |        |                |                  | 0          |
| 2,000                | 0                 |        |                |                  | 0          |
| 1,000                | 0                 |        | 0              |                  | 0          |
| 500                  | 0                 |        |                |                  | 0          |
| 200                  | 0                 | 0      |                |                  | 0          |
| <b>Cộng</b>          | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |

0

0 0

0 0

#### 2. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:

Đơn vị: đồng

| Loại tiền           | Số bao<br>(Thùng) | Số hộp | Số bó<br>(túi) | Số tờ<br>(miếng) | Thành tiền |
|---------------------|-------------------|--------|----------------|------------------|------------|
| <b>Tiền polymer</b> | 0                 |        | 0              |                  | 0          |
| 500,000             | 0                 |        | 0              |                  | 0          |
| 200,000             | 0                 |        | 0              |                  | 0          |
| 100,000             | 0                 |        | 0              |                  | 0          |
| 50,000              | 0                 |        | 0              |                  | 0          |

|                      |          |          |          |          |          |
|----------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 20,000               | 0        |          | 0        |          | 0        |
| 10,000               | 0        |          | 0        |          | 0        |
| <b>Tiền cotton</b>   | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 100,000              |          |          |          |          | 0        |
| 50,000               |          |          |          |          | 0        |
| 20,000               | 0        |          | 0        |          | 0        |
| 10,000               | 0        |          | 0        |          | 0        |
| 5,000                | 0        |          | 0        |          | 0        |
| 2,000                | 0        |          | 0        |          | 0        |
| 1,000                | 0        |          | 0        |          | 0        |
| 500                  | 0        |          | 0        |          | 0        |
| 200                  | 0        |          | 0        |          | 0        |
| 100                  |          |          | 0        |          | 0        |
| <b>Tiền kim loại</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 5,000                |          |          |          | 0        | 0        |
| 2,000                |          |          |          | 0        | 0        |
| 1,000                |          |          | 0        | 0        | 0        |
| 500                  |          |          |          | 0        | 0        |
| 200                  |          |          |          | 0        | 0        |
| <b>Cộng</b>          |          |          | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

Số liệu trên sổ sách: 0

Chênh lệch: 0

### 3. Tiền dinh chi lưu hành:

Đơn vị: đồng

| Loại tiền            | Số bao<br>(Thùng) | Số hộp   | Số bó<br>(túi) | Số tờ<br>(miếng) | Thành tiền |
|----------------------|-------------------|----------|----------------|------------------|------------|
| <b>Tiền polymer</b>  | <b>0</b>          |          | <b>0</b>       |                  | <b>0</b>   |
| 500,000              | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 200,000              | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 100,000              | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 50,000               | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 20,000               | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 10,000               | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| <b>Tiền cotton</b>   | <b>0</b>          | <b>0</b> | <b>0</b>       | <b>0</b>         | <b>0</b>   |
| 100,000              |                   |          | 0              |                  | 0          |
| 50,000               | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 20,000               | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 10,000               | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 5,000                | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 2,000                | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 1,000                | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 500                  | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 200                  | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| 100                  | 0                 |          | 0              |                  | 0          |
| <b>Tiền kim loại</b> | <b>0</b>          | <b>0</b> | <b>0</b>       | <b>0</b>         | <b>0</b>   |
| 5,000                |                   |          | 0              | 0                | 0          |

|             |  |  |          |          |          |
|-------------|--|--|----------|----------|----------|
| 2,000       |  |  | 0        | 0        | 0        |
| 1,000       |  |  | 0        | 0        | 0        |
| 500         |  |  | 0        | 0        | 0        |
| 200         |  |  | 0        | 0        | 0        |
| <b>Cộng</b> |  |  | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

Số liệu trên sổ sách: 0

Chênh lệch: 0

Tổng cộng (1+2 +3): 0

Số liệu trên sổ sách:

Chênh lệch: 0

## II. QUỸ NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH

### 1. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông:

Đơn vị: Đồng

| Loại tiền            | Số bao<br>(Thùng) | Số hộp | Số bó<br>(túi) | Số tờ<br>(miếng) | Thành tiền |
|----------------------|-------------------|--------|----------------|------------------|------------|
| <b>Tiền polymer</b>  | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 500,000              |                   |        | 0              | 0                | 0          |
| 200,000              | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 100,000              | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 50,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 20,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 10,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| <b>Tiền cotton</b>   | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 100,000              | 0                 |        |                |                  |            |
| 50,000               | 0                 |        |                |                  |            |
| 20,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 10,000               | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 5,000                | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 2,000                | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 1,000                | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 500                  | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| 200                  | 0                 |        | 0              |                  | 0          |
| 100                  | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |
| <b>Tiền kim loại</b> | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 5,000                |                   |        | 0              | 0                | 0          |
| 2,000                |                   |        | 0              | 0                | 0          |
| 1,000                |                   |        | 0              | 0                | 0          |
| 500                  |                   |        | 0              | 0                | 0          |
| 200                  |                   |        | 0              | 0                | 0          |
| <b>Cộng</b>          | <b>0</b>          |        | <b>0</b>       | <b>0</b>         | <b>0</b>   |

Số liệu trên sổ sách: 0

Chênh lệch: 0

### 2. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:

Đơn vị: Đồng

| Loại tiền            | Số bao<br>(Thùng) | Số hộp | Số bó<br>(túi) | Số tờ<br>(miếng) | Thành tiền |
|----------------------|-------------------|--------|----------------|------------------|------------|
| <b>Tiền polymer</b>  | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 500,000              |                   |        |                | 0                | 0          |
| 200,000              |                   |        |                | 0                | 0          |
| 100,000              |                   |        |                | 0                | 0          |
| 50,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| 20,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| 10,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| <b>Tiền cotton</b>   | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 100,000              |                   |        |                | 0                |            |
| 50,000               |                   |        |                | 0                |            |
| 20,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| 10,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| 5,000                |                   |        |                | 0                | 0          |
| 2,000                |                   |        |                | 0                | 0          |
| 1,000                |                   |        |                | 0                | 0          |
| 500                  |                   |        |                | 0                | 0          |
| 200                  |                   |        |                | 0                | 0          |
| 100                  |                   |        |                | 0                | 0          |
| <b>Tiền kim loại</b> | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 5,000                |                   |        |                | 0                | 0          |
| 2,000                |                   |        |                | 0                | 0          |
| 1,000                |                   |        |                | 0                | 0          |
| 500                  |                   |        |                | 0                | 0          |
| 200                  |                   |        |                | 0                | 0          |
| <b>Cộng</b>          | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |

Số liệu trên sổ sách: 0  
Chênh lệch: 0

### 3. Tiền đình chỉ lưu hành:

| Loại tiền          | Số bao<br>(Thùng) | Số hộp | Số bó<br>(túi) | Số tờ<br>(miếng) | Thành tiền |
|--------------------|-------------------|--------|----------------|------------------|------------|
| <b>Tiền Cotton</b> | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 100,000            |                   |        |                | 0                | 0          |
| 50,000             |                   |        |                | 0                | 0          |

Số liệu trên sổ sách: 0  
Chênh lệch: 0

Tổng cộng (1+2 +3) 0  
- Số liệu trên sổ sách: 0  
- Chênh lệch : 0

## III. TIỀN KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ LƯU HÀNH

### 1. Tiền mẫu:

Đơn vị: Đồng

| Loại tiền            | Số bao<br>(Thùng) | Số hộp | Số bó<br>(túi) | Số tờ<br>(miếng) | Thành tiền |
|----------------------|-------------------|--------|----------------|------------------|------------|
| <b>Tiền polymer</b>  | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 500,000              |                   |        |                | 0                | 0          |
| 200,000              |                   |        |                | 0                | 0          |
| 100,000              |                   |        |                | 0                | 0          |
| 50,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| 20,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| 10,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| <b>Tiền cotton</b>   | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 100,000              |                   |        |                | 0                | 0          |
| 50,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| 20,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| 10,000               |                   |        |                | 0                | 0          |
| 5,000                |                   |        |                | 0                | 0          |
| 2,000                |                   |        |                | 0                | 0          |
| 1,000                |                   |        |                | 0                | 0          |
| 500                  |                   |        |                | 0                | 0          |
| 200                  |                   |        |                | 0                | 0          |
| 100                  |                   |        |                | 0                | 0          |
| 50                   |                   |        |                | 0                | 0          |
| 30                   |                   |        |                |                  | 0          |
| 20                   |                   |        |                |                  | 0          |
| 10                   |                   |        |                |                  | 0          |
| 5                    |                   |        |                |                  | 0          |
| 2                    |                   |        |                |                  | 0          |
| 1                    |                   |        |                |                  | 0          |
| <b>Tiền kim loại</b> | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 5,000                |                   |        |                | 0                |            |
| 2,000                |                   |        |                | 0                |            |
| 1,000                |                   |        |                | 0                |            |
| 500                  |                   |        |                | 0                |            |
| 200                  |                   |        |                | 0                |            |
| <b>Cộng</b>          | 0                 |        | 0              | 0                | 0          |

Số liệu trên sổ sách:

0

Chênh lệch:

0

### 3. Tiền giả:

Đơn vị: Đồng

| Loại tiền           | Số bao<br>(Thùng) | Số hộp | Số bó<br>(túi) | Số tờ<br>(miếng) | Thành tiền |
|---------------------|-------------------|--------|----------------|------------------|------------|
| <b>Tiền polymer</b> | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 500,000             |                   |        |                | 0                | 0          |
| 200,000             |                   |        |                | 0                | 0          |
| 100,000             |                   |        |                | 0                | 0          |
| 50,000              |                   |        |                | 0                | 0          |
| 20,000              |                   |        |                | 0                | 0          |
| 10,000              |                   |        |                |                  | 0          |
| <b>Tiền cotton</b>  | 0                 | 0      | 0              | 0                | 0          |
| 100,000             |                   |        |                | 0                | 0          |
| 50,000              |                   |        |                | 0                | 0          |

|             |          |          |          |          |          |
|-------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 20,000      |          |          |          | 0        | 0        |
| 10,000      |          |          |          |          | 0        |
| 5,000       |          |          |          |          | 0        |
| 2,000       |          |          |          |          | 0        |
| 1,000       |          |          |          |          | 0        |
| 500         |          |          |          |          | 0        |
| 200         |          |          |          |          | 0        |
| 100         |          |          |          |          | 0        |
| <b>Cộng</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

Số liệu trên sổ sách: 0

Chênh lệch: 0

#### 4. Tín phiếu kho bạc mẫu:

| Loại        | Kỳ hạn  | Số tờ    | Thành tiền |
|-------------|---------|----------|------------|
| 10,000,000  | 6 tháng | 0        | 0          |
| 5,000,000   | 6 tháng | 0        | 0          |
| 2,000,000   | 6 tháng | 0        | 0          |
| 1,000,000   | 6 tháng | 0        | 0          |
| <b>Cộng</b> |         | <b>0</b> | <b>0</b>   |

#### 5. Séc thanh toán

##### 5.1 Séc Mẫu

Đơn vị tính: Tờ

| Loại séc Mẫu                    | Số lượng | Sê ri |
|---------------------------------|----------|-------|
| Séc Ngân hàng Nhà nước          | 0        |       |
| Séc chuyển tiền                 | 0        |       |
| Séc chuyển khoản (Quỹ tín dụng) | 0        |       |
| <b>Cộng</b>                     | <b>0</b> |       |

Số liệu trên sổ sách: 0

Chênh lệch: 0

##### 5.2 Séc

Đơn vị tính: Cuốn

| Loại séc                        | Số lượng | Sê ri           |
|---------------------------------|----------|-----------------|
| Séc Ngân hàng Nhà nước          | 0        | Theo niêm phong |
| Séc chuyển tiền                 | 0        |                 |
| Séc chuyển khoản (Quỹ tín dụng) | 0        |                 |
| <b>Cộng</b>                     | <b>0</b> |                 |

Số liệu trên sổ sách: 0

Chênh lệch: 0

#### VI. TÀI SẢN KHÁC GIỮ HỘ

Đơn vị tính: Hộp, gói

| Đơn vị gửi | Loại tài sản | Số lượng |
|------------|--------------|----------|
|------------|--------------|----------|

|                                   |               |          |
|-----------------------------------|---------------|----------|
| Ngân hàng Công thương             | Hộp chia khoá | 0        |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển    | Hộp chia khoá | 0        |
| Ngân hàng TMCP An Bình            | Hộp chia khoá | 0        |
| Ngân Hàng Phát triển              | Hộp chia khoá | 0        |
| Quỹ Tín dụng nhân dân Quyết thắng | Hộp chia khoá | 0        |
| Ngân hàng Chính sách Xã hội       | Hộp chia khoá | 0        |
| Ngân hàng NHNO tỉnh               | Hộp chia khoá | 0        |
| <b>Cộng</b>                       |               | <b>0</b> |

Số liệu trên sổ sách: 0

Chênh lệch: 0

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**ĐOÀN KIỂM TOÁN**

**TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN**

**TRƯỞNG PHÒNG TT-KQ**

**THỦ KHO QUỸ DỰ TRỮ**

**THỦ KHO QUỸ NVPH**